

# PHÁT TRIỂN TÂM LÝ HỌC NƯỚC NHÀ TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ <sup>(1)</sup>

Nguyễn Ngọc Phú

*Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng*

Bước vào thế kỷ XXI, thế kỷ của những tiến bộ khoa học, kỹ thuật với tốc độ phát triển chóng mặt của công nghệ thông tin, internet nối mạng toàn cầu... làm cho giao lưu quốc tế ngày càng thuận tiện, tầm nhìn của con người được mở rộng đến mức tối đa mà chỉ vài năm trước đây đã không bao giờ có được. Hệ thống viễn thông với dịch vụ ngày càng rẻ, tiện lợi đã làm cho thế giới dường như "bị thu nhỏ lại", con người sống ở mọi nơi trên trái đất dường như dễ xích lại gần nhau hơn, dễ hòa nhập với nhau hơn để cùng tồn tại. Bởi vậy, *xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa là một tất yếu*. Sự hội nhập của một quốc gia còn là để đáp ứng xu hướng chung của thời đại về toàn cầu hoá trong thời đại văn minh và nền kinh tế tri thức. Hội nhập cũng để nâng mình lên, nâng trình độ dân trí ngang tầm thời đại và để sánh vai với các nước trong thế giới văn minh tiến bộ. Hội nhập được tiến hành tốt sẽ còn là dịp tạo ra sự đoàn kết, mở rộng hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm trong các lĩnh vực để nâng cao trình độ tri thức, cập nhật những vấn đề mới, các thành tựu văn minh mà nhân loại tiến bộ đã tạo ra nhằm nâng dân trí của dân tộc lên trình độ tiên tiến trên thế giới. Rõ ràng, trong điều kiện hiện nay, theo dòng chảy chung của lịch sử, sự hội nhập khu vực và quốc tế là một *tất yếu khách quan* và đương nhiên tất yếu này đã đặt đất nước chúng ta trước những thách thức mới, buộc chúng ta phải tự vươn lên để vượt qua nó.

Những thách thức này có nguyên nhân ở tình trạng còn thấp kém của nền kinh tế đất nước. Trong nhiều năm, nền kinh tế của đất nước ta tuy có tăng trưởng đáng ghi nhận, nhưng khoảng cách giữa nước ta và nhiều nước khác trên thế giới vẫn còn khá xa trong khi sự cạnh tranh quốc tế lại ngày càng tỏ ra quyết liệt khi đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trên bình diện mặt bằng quốc tế và khu vực về văn hoá - giáo dục, số học sinh, sinh viên, lao động được đào tạo tính theo đầu người của ta không hề "quá nhiều" như nhiều người đã lầm tưởng, mà thực ra còn thấp hơn đáng kể so với nhiều nước trong khu vực. Chẳng hạn, số sinh viên trên 1 vạn dân ở nước ta là 55, trong khi ở Trung Quốc là 377; Hàn Quốc là 4.930; Thái Lan là 2.166; Malaysia là 884.

Thực trạng giáo dục của đất nước ta trong những năm qua, như *Báo cáo thẩm tra về báo cáo tình hình giáo dục của Chính phủ* <sup>(2)</sup>, đã có những tiến bộ đáng kể, "giáo dục thường xuyên được khuyến khích và mở rộng, do đó, về cơ bản đã đáp ứng

nhu cầu học tập của nhân dân và đang hình thành một xã hội học tập. Năm học 2004 - 2005, cả nước có 22,7 triệu học sinh (hơn 1/4 số dân đi học). Với một nước có bình quân thu nhập trên 400 USD/ đầu người/ năm mà xây dựng được một nền giáo dục như hiện nay là một sự nỗ lực to lớn, rất đáng tự hào. Báo cáo cũng chỉ rõ: “Chất lượng giáo dục trong những năm đổi mới cũng đã từng bước được cải thiện, lực lượng lao động được đào tạo đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”... “Tuy nhiên, chất lượng giáo dục nhìn chung còn yếu kém, bất cập; lối học khoa cử vẫn còn nặng nề”... “Sự tụt hậu của giáo dục nước ta so với thế giới đang là một thách thức lớn, nhất là trong đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là ở bậc đại học.

Những điều nêu trên đã đặt ra những trọng trách vô cùng to lớn cho nền tâm lý học đất nước. Tâm lý học nước nhà cần phải làm gì để tiếp tục phát triển trong điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế, đóng góp công sức xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện lịch sử mới.

Tâm lý học Việt Nam ngay từ khi ra đời đã được tư tưởng Mác - xít dẫn đường thông qua ảnh hưởng to lớn của nền tâm lý học Liên Xô trước đây, và cũng nhờ điều này mà nền tâm lý học nước nhà đã vượt qua nhiều khó khăn và đạt được mức độ phát triển to lớn như hiện nay.

*Điều trước tiên vẫn cần nhắc lại là tâm lý học Việt Nam muốn phát triển cần bám chắc vào các luận điểm lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh* mà đề xuất các vấn đề nội dung và phương pháp nghiên cứu. Tâm lý học Việt Nam phải góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chiếm địa vị thống trị trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, người đã có nhiều công lao đóng góp cho sự phát triển của nền tâm lý học nước nhà, từ những năm 40 của thế kỷ XX. Tiếp tục khai thác các tư tưởng tâm lý học của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm định hướng cho sự phát triển của tâm lý học phải trở thành một nhiệm vụ quan trọng của tâm lý học Việt Nam.

Sức sống thực sự của một khoa học là ở chỗ khoa học đó biết bám sát vào cuộc sống, mang hơi thở của cuộc sống. **Tâm lý học Việt Nam muốn phát triển phải biết bám sát vào các đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng của cả nước, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi của chính cuộc sống của nhân dân các dân tộc Việt Nam** hiện nay mà đề xuất các phương hướng nghiên cứu, ứng dụng tâm lý học. Nước ta đang đứng trước những vận hội và thách thức vô cùng lớn mà muốn vượt qua nó, rất cần có những tri thức tâm lý học hiện đại. Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh “Con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế xã hội”. Đại hội Đại biểu lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội”<sup>(5)</sup>. Con người ấy phải là con người hiện đại, thích nghi nhanh trong điều kiện hội nhập quốc tế, sáng tạo, giỏi về chuyên môn, biết làm giàu cho bản thân và cho đất nước nhưng lại mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, chính trị, đạo đức trong sáng, sống nhân nghĩa, đức độ, thủy chung...

Trong điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế như hiện nay, tâm lý học Việt Nam lại càng phải ra sức học tập, khai thác, tiếp thu kinh nghiệm, thành tựu của nền tâm lý học thế giới và các nước trong khu vực. Nền tâm lý học ở các nước phương Tây đã đi trước chúng ta và đã có nhiều kinh nghiệm quý báu. Nền tâm lý học ấy cũng đã sản sinh ra biết bao nhiêu những bậc thầy tâm lý học mà chúng ta không được phép lãng quên như R. Descartes, B. Spinoza, J. Piaget, S. Freud, A. Maslow, R.B. Cattell, L.X. Vugótski, X.L. Rubinstêin, A.R. Luria, A.N. Lêônchiép... Để phát triển nền tâm lý học nước nhà, chúng ta cần tích cực mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu, đào tạo và học hỏi lẫn nhau về nhiều phương diện. Trong tương lai, chúng ta cần phải tiếp tục tổ chức dịch thuật nhiều hơn nữa các tác phẩm tâm lý học tiêu biểu, có tên tuổi của nền tâm lý học thế giới một cách có chọn lọc. Cần chú ý dịch cả những tác phẩm của các tác giả tâm lý học đương đại. *Học tập và tiếp thu các thành tựu của tâm lý học thế giới, đặc biệt là học tập về phương pháp nghiên cứu.* Các test đã có, nhiều test mang tính hữu dụng rất lớn, nhưng cần phải được chuẩn hóa trên người Việt Nam, thích ứng với đặc điểm tâm - sinh lý của người Việt Nam. Chúng ta chỉ có thể làm phong phú, tăng tính hữu ích của khoa học tâm lý Việt Nam trên cơ sở nắm vững, khai thác tốt các thành tựu của nền tâm lý học mà các nước đã mất bao công sức, trí tuệ để đạt được. “Khoa học tâm lý ngày nay được coi là ngành khoa học đứng giữa các khối khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật”<sup>(6)</sup>. Chúng ta cần phải nhận rõ hơn nữa tính chất của khoa học tâm lý “...là một khoa học thực nghiệm... Sản phẩm cuối cùng của một khóa đào tạo - các cử nhân tâm lý học phải là những người biết tiến hành thực nghiệm tâm lý học”<sup>(7)</sup>. Điều cần ở đây là, trong khi tiếp thu kinh nghiệm của các nước, chúng ta phải biết phê phán những sai lầm, khiếm khuyết của các trường phái, các tác giả đã mắc phải để tránh đi đường vòng. Với các nước ASEAN, trong những năm tới, tâm lý học phải tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong cộng đồng này để cùng tham gia đẩy nhanh sự phát triển của nền tâm lý học các nước ASEAN, phục vụ tốt cho hội nhập và sự phát triển chung của cả khu vực. Để phát triển tình hữu nghị bền chặt giữa nhân dân các dân tộc trong khu vực, về mặt tâm lý học, rất cần có các nghiên cứu tâm lý học văn hóa, tâm lý học xã hội về con người và cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong cộng đồng ASEAN. Cũng có thể có các đề tài được phối hợp cùng khảo sát chung ở các quốc gia trong cộng đồng. Cùng với quá trình tiếp thu, lĩnh hội kinh nghiệm của nền tâm lý học thế giới, chúng ta không quên tích cực tuyên truyền rộng rãi thành tựu của nền tâm lý học Việt Nam ra các nước trong khu vực và thế giới.

**Tâm lý học Việt Nam, một mặt, vẫn coi trọng nghiên cứu lý luận, một mặt, phải đẩy mạnh hơn nữa nghiên cứu thực hành, ứng dụng tâm lý học vào cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực.**

Chúng ta vẫn phải hết sức quan tâm đến nghiên cứu lý luận vì sự phát triển của tâm lý học. Bởi lẽ, tâm lý học phải phục vụ cho cuộc sống mà cuộc sống lại luôn luôn phát triển. Với đội ngũ các nhà khoa học hiện có, chúng ta hoàn toàn có khả năng làm tốt nhiệm vụ này. Nghiên cứu lý luận phải bám sát vào thực tiễn, phải từ các vấn đề của thực tiễn mà đề xuất các lý thuyết tâm lý học. Giải quyết tốt nhiệm vụ này, vẫn rất cần nhiều đề tài nghiên cứu cơ bản, điều tra khảo sát cơ bản trên diện rộng. Cần phải

có nhiều phòng thực nghiệm tâm lý học, ít nhất là ở các cơ sở nghiên cứu lớn, các trường có đào tạo cử nhân tâm lý học. Phải nói rằng, cho đến nay, chúng ta chưa có được một phòng thực nghiệm tâm lý học với đúng nghĩa của từ này.

Một mặt, phải tích cực đi vào hướng nghiên cứu thực hành, ứng dụng để tâm lý học gắn với cuộc sống, để quần chúng nhân dân đông đảo tự cảm nhận được sự cần thiết phải có khoa học tâm lý, cảm thấy cuộc sống hiện tại rất cần sự có mặt của các nhà tư vấn, các chuyên gia tâm lý học, chúng ta cần phải khắc phục khuyết điểm vốn cố hữu của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta là nặng về nghiên cứu lý luận, lý thuyết, nhẹ về nghiên cứu ứng dụng, thực hành. Một điều nên quan tâm là, tâm lý học phải chủ động tạo ra và giữ mối liên hệ với các khoa học xã hội và nhân văn khác vì mục đích chung của sự nghiệp phát triển các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam.

Cần phải suy nghĩ cho việc đào tạo các chuyên gia tâm lý học, các nhà tư vấn, tham vấn tâm lý. Các chuyên gia này, như nhiều nước đã làm, được biên chế trong các xí nghiệp, công ty, các cơ quan cấp ngành, bộ... nhằm hỗ trợ cho hoạt động quản lý của người đứng đầu các cơ quan này, giúp cho hệ thống quản lý vận hành bình thường, có hiệu quả. Thắng lợi của phương hướng này gắn liền với nhận thức ngày càng tăng lên về vai trò của khoa học tâm lý trong các cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức kinh tế, chính trị xã hội các cấp, gắn liền với tính tích cực chủ động của cả đội ngũ các nhà tâm lý học Việt Nam.

Thế kỷ XXI đang đặt ra nhiều đòi hỏi và thách thức vô cùng khắc nghiệt cho cả loài người. Bởi vậy, tâm lý học phải cùng với các khoa học khác sẵn sàng tốt nhất cho cuộc thử sức này.

Suy nghĩ tìm đường hướng phát triển cụ thể cho nền tâm lý học Việt Nam hiện tại và trong tương lai, sẵn sàng hội nhập tốt trong khu vực và thế giới vẫn đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu, là trách nhiệm của tất cả các nhà tâm lý học của cả nước và của tất cả những ai quan tâm đến sự phát triển của khoa học tâm lý nước nhà.

## Chú thích

1. Bài đã được trình bày tại Hội thảo Khoa học "Tâm lý học và Giáo dục học trong hội nhập khu vực và quốc tế" do Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam tổ chức tại T/p Cần Thơ, từ 5 - 7/1/2005.
2. Nguồn: Báo cáo thẩm tra về báo cáo tình hình giáo dục của Chính phủ, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, số 662 BC/VH-GD-TTN, ngày 20/10/2004.
3. X.L. Rubinstêin. Những vấn đề tâm lý trong các tác phẩm của Các Mác. Trong Tâm lý học - Những cơ sở lý luận và phương pháp luận, Học viện Chính trị quân sự, Hà Nội, 1984, trang 26.
4. Hồ Chí Minh. Toàn tập, Tập 3. NXB CTQG, Hà Nội, 1995, trang 431.
5. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB CTQG, Hà Nội, 2001, trang 114.
6. Phạm Minh Hạc. Tuyển tập tâm lý học. NXB CTQG, Hà Nội, 2002, trang 646.
7. Phạm Minh Hạc. Vài ý kiến về đào tạo đại học tâm lý học. Tạp chí Tâm lý học, Số 4/4/2003, trang 2.